

Thành nhà Hồ

VỚI MỘT SỐ DI TÍCH VÙNG PHỤ CẬN

ĐỖ QUANG TRỌNG - NGUYỄN XUÂN TOÁN

Đến triều đại nhà Hồ (1400 - 1407), Thanh Hoá trở thành vùng đất quan trọng, nơi đây là quê hương của Hồ Quý Ly. Vào cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV, Hồ Quý Ly đã quyết định xây dựng thành An Tôn trở thành kinh đô của nước Đại Ngu. Cùng với sự thiên đô, nhiều công trình kiến trúc có liên quan đã hình thành như một hệ quả tất yếu.

Ở lĩnh vực di sản kiến trúc, chúng tôi xin điểm qua một số di tích có liên mối quan hệ đến thành nhà Hồ. Trong đó có hai nhóm di tích: *Nhóm thứ nhất* là những di tích đồng đại, mang tính chất hệ quả hoặc liên quan trực tiếp đối với thành nhà Hồ. Những di tích này phản ánh quá trình hình thành, chuyển giao quyền lực giữa hai vương triều Trần - Hồ, đồng thời cũng phản ánh đời sống văn hoá, tín ngưỡng của tầng lớp quý tộc trong vương triều Trần - Hồ. Đó là các di tích như: Cung Bảo Thanh (xã Hà Đông - huyện Hà Trung); đàn Nam Giao (xã Vĩnh Thành - huyện Vĩnh Lộc); chùa Du Anh (xã Vĩnh Ninh - huyện Vĩnh Lộc); chùa Tường Vân, chùa Nhân Lộ (xã Vĩnh Thành - huyện Vĩnh Lộc); chùa Hoa Long (xã Vĩnh Thịnh - huyện Vĩnh Lộc). *Nhóm di tích thứ hai* có niên đại muộn hơn và bắt nguồn từ các truyền thuyết dân gian, liên quan đến Thành nhà Hồ và vương triều Hồ. Đó là các di tích

như: Đền nàng Bình Khương, đình Đông Môn (xã Vĩnh Long - huyện Vĩnh Lộc); đền thờ Trần Khát Chân (xã Vĩnh Thành - huyện Vĩnh Lộc); di tích Hàng Nàng, đình Yên Tôn Thượng (xã Vĩnh Yên - huyện Vĩnh Lộc); đình làng Tây Giai (xã Vĩnh Tiến - huyện Vĩnh Lộc)... Có thể nói, những di tích này, ngoài những giá trị về mặt vật thể, phản ánh lịch sử, văn hoá, kiến trúc nghệ thuật của các thời kỳ, chúng còn mang giá trị tinh thần phản ánh tâm tư tình cảm của nhân dân đối với Thành nhà Hồ và vương triều Hồ. Những di tích này góp phần cho Tây Đô, không chỉ vĩ đại ở chỗ có một toà thành "mẫu mực bậc nhất về việc sử dụng những khối đá vôi to lớn được đẽo gọt và ghép một cách rất tài tình"¹ như lời của Bezacier, mà còn là một vùng văn hoá thắm đẫm huyền thoại giàu tính nhân văn.

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*. Mùa Xuân, tháng Giêng năm Đinh Sửu (1397), sai Thượng thư Lại bộ, kiêm Thái sử lệnh là Đỗ Tĩnh đi xem xét đo đạc động An Tôn phủ Thanh Hóa, đắp thành, đào hào, lập nhà Miếu, nền Xã, mở đường phố... ba tháng làm xong². Ba tháng, đó là quãng thời gian rất ngắn so với tuổi của ngôi thành đã tồn tại đến ngày nay. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng công việc chuẩn bị cũng như thời gian xây

dựng kinh đô mới ở Thanh Hóa đã được họ Hồ chuẩn bị, tiến hành không chỉ trong ba tháng như lời của Hồ Quý Ly nói với hành khiển Phạm Cự Luận³.

Thành nhà Hồ còn có các tên gọi khác như thành Tây Đô, thành An Tôn, thành Tây Giai, hay Thạch Thành. Ngày nay, Thành nhà Hồ nằm giữa 4 thôn: Tây Giai, Xuân Giai, Thượng Giai và Đông Môn của hai xã Vĩnh Long và Vĩnh Tiến huyện Vĩnh Lộc, cách đàn tế Nam Giao 3km về phía Đông Nam; cách di tích Ly Cung 25km về phía Đông - Đông Nam. Thành nhà Hồ bao gồm 3 bộ phận: La thành và lũy tre; hào thành và hoàng thành. Trong hoàng thành có các cung: Hoàng Nguyên, Phù Cự, Nhân Thọ, Đông Cung, Đông Thái miếu, Tây Thái miếu... với những con đường (lát đá) nối liền từ cung nọ sang cung kia. Hoàng thành được xây dựng trên một bình đồ gần vuông, hai mặt Nam Bắc dài khoảng 870,5m; hai mặt Đông Tây dài khoảng 883,5m. Chu vi thành khoảng 3.508m và có diện tích khoảng 769.086m² với 4 cửa: Đông, Tây, Nam, Bắc. Thành được xây dựng bằng đá với khối lượng lớn, hơn 80.000m³ đất và 20.000m³ đá, trong đó có phiến rất lớn như ở cửa phía Tây nặng hơn 20 tấn.

Do được xây dựng bằng đá nên mặc dù đã trên 600 năm, nhưng Thành nhà Hồ vẫn tồn tại gần như nguyên vẹn, chỉ có các công trình phía trong nội thành là sụp đổ (còn lại đôi rồng đá bị mất đầu, được phát hiện vào năm 1938, trong lúc làm con đường đi xuyên từ cửa Nam lên cửa Bắc, đường Quốc lộ 217 ngày nay).

Cùng thời gian xây dựng thành An Tôn, Hồ Quý Ly còn cho xây dựng cung Bảo Thanh ở Tây Nam núi Đại Lại làm hành tại cho nhà Trần, sau này cũng là nơi Hoàng Thái tử Ẩn lên nối ngôi. Vùng đất Đại Lại xưa (nay là xã Hà Đông, huyện Hà Trung) là quê hương của Hồ Quý Ly, ông đã quyết định chọn nơi đây để xây dựng một trung tâm sinh hoạt của vua tôi nhà Trần (bên cạnh đó có chùa Kim Âu hay còn gọi là chùa Hồ là nơi tu hành của vua Trần Thuận Tông).

Tại khu vực làng Kim Phát, xã Hà Đông, huyện Hà Trung, từ năm 1978 đến 1985, giới khảo cổ học Việt Nam đã tiến hành 4 đợt khai quật và đã phát hiện ra các kiến trúc to lớn nguy nga của cung Bảo Thanh. Qua kết quả

khai quật khảo cổ cung Bảo Thanh có diện tích vài ngàn m² "kiến trúc chính của hoàng cung có mặt bằng 176m², chiều ngang 13.6m, chiều dọc gần 13m. Hàng đá xanh bó móng được gia công bằng các khối đá vuông vức... bên ngoài hàng đá xanh là một hàng gạch có hoa văn trang trí sinh động"⁴. Các vật liệu kiến trúc ở Ly Cung cho thấy rõ mối tương đồng với các di vật thời Trần ở Hoàng thành Thăng Long cũng như di tích đàn tế Nam Giao (xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc) và ở Thành nhà Hồ. Ngoài vai trò lịch sử có ý nghĩa trọng đại, nơi chứng kiến sự thay đổi quyền lực giữa hai triều đại quân chủ, thì Ly Cung còn lưu giữ nhiều dấu tích, của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thời Trần trên đất Thanh Hoá.... Nơi đây chính là bước dừng chân trong quá trình chuyển đô từ Thăng Long về Tây Đô.

Sau khi thiên đô về Thanh Hóa, Hồ Quý Ly chính thức lên ngôi (tháng 3 năm 1400) và đặt tên cho kinh đô mới là Tây Đô, nhà Hồ thực thi hàng loạt cải cách kinh tế - xã hội đồng thời xây dựng các thiết chế văn hóa tại kinh đô mới trong đó quan trọng nhất là việc đắp đàn Nam Giao ở Đốn Sơn để làm lễ tế giao.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi lại sự kiện này như sau: "Nhâm Ngọ 1402, tháng 8, Hán Thương sai đắp đàn Nam Giao ở núi Đốn Sơn để làm lễ tế giao; đại xá thiên hạ. Ngay hôm tế, Hán Thương ngồi trên kiệu Vân Long do cửa Nam đi ra"⁵. Đó là những dòng quan trọng ghi chép về lịch sử và vị trí xây dựng đàn tế Nam Giao của nhà Hồ. Các tài liệu sau này hầu như không ghi chép về điều này hoặc có ghi thì cũng nhắc lại những gì mà sách *Đại Việt sử ký toàn thư* đã nêu. Tuy nhiên trong tiềm thức của nhân dân trong vùng thì khu vực đàn tế Nam Giao vẫn còn được nhắc đến, thậm chí một số địa danh còn được sử dụng trong tài liệu địa chính xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc ngày nay: Cánh đồng Nam Giao; giếng Vua; dọc Sen... Cuộc khai quật khảo cổ học tháng 6 - 7/2004 đã bước đầu làm rõ một phần quy mô, kiến trúc đàn tế này.

Đàn Nam Giao có diện tích khoảng 2 ha, phía Bắc giáp núi, phía Nam có các thềm và bậc lên xuống đàn tế, với đường thần đạo chạy thẳng từ dưới lên giữa nền thượng. Ngoài 3 cấp tượng trưng cho trời, đất và con người (Tam tài: Thiên - địa - nhân) còn có phần

ngoại vi phụ cận, với các công trình kiến trúc như nhà cho vua ở chay tịnh trước khi làm lễ, gọi là Trai cung; bếp để làm các công việc phục vụ lễ tế trời đất, gọi là Thần trù; nhà kho gọi là Thần khố. Đặc điểm kiến trúc nổi bật của di tích đàn tế này là tường xây bao quanh và nền móng bằng đá. Gạch được lát trên những vị trí quan trọng, như mặt trong nền thượng và đường dẫn lên ở cửa phía Đông. Đá được sử dụng gồm 2 loại với các chức năng khác nhau. Về niên đại, theo *Đại Việt sử ký toàn thư* chép đàn Nam Giao được xây dựng vào tháng 8 năm 1402. Qua các tư liệu vật chất như đất nung, sành, gốm sứ với các đề tài trang trí cũng cho ta đoán định niên đại khoảng từ cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV.

Như vậy việc xây dựng đàn tế Nam Giao hoàn toàn nằm trong hoạch định của nhà Hồ trong việc xây dựng kinh đô mới ở Thanh Hóa. Có thể ước đoán rằng kiến trúc cung đình mang tính quyền uy ở Thăng Long đã được Hồ Quý Ly tiếp thu và phát triển ở Tây Đô.

Như trên chúng tôi đã nêu, ngoài các công trình kiến trúc phục vụ trực tiếp cho việc rời đô về Thanh Hoá thì trong khu vực phụ cận còn một số kiến trúc Phật giáo có niên đại thời Trần, liên quan đến Tây Đô, như:

- Chùa Tường Vân (chùa Giáng) được xây dựng dưới chân núi Đốn Sơn, xưa thuộc thôn Cao Mật, tổng Cao Mật, huyện Vĩnh Lộc (nay là xã Vĩnh Thành - huyện Vĩnh Lộc). Theo truyền thuyết kể lại thì chùa được xây dựng vào triều vua Trần Duệ Tôn (1372 - 1377), gắn liền với truyền thuyết vua Trần đem quân đánh Chiêm Thành, khi qua núi Đốn Sơn đã dừng chân nghỉ lại. Đêm vua ngủ, nằm mộng thấy đám mây màu vàng, mọi người cho là điềm lành giúp vua thắng trận. Khi trở về, để tạ ơn các bậc huyền linh, vua đã cho xây dựng ngôi chùa này? Một truyền thuyết khác lại cho rằng chùa là nơi Hồ Quý Ly cho dựng lên để cho vua Trần tụng kinh niệm Phật. Qua thời gian chùa đã được trùng tu tôn tạo nhiều lần. Sau khi vua Trần Duệ Tôn mất, nhân dân đã tạc tượng thờ phụng tại chùa. Tường Vân từ có một hệ thống kiến trúc hài hoà, với: Tam quan, Phật điện, nhà Mẫu. Chùa có một hệ thống tượng như: Thích Ca sơ sinh, Ngọc hoàng, Thích Ca, Ca Diếp, A Nan Đà. Trên tường hồi độc nhà tam bảo, sơn gán một số bia chữ

Đỗ Quang Trọng - Nguyễn Xuân Toán: Thành nhà Hồ với...

Hán. Tấm bia lâu đời nhất hiện còn được khắc vào năm Thành Thái thứ 9 (1897). Chùa Tường Vân còn có quả chuông đồng nặng nửa tấn có hoa văn chạm khắc tinh xảo...

- Cũng trên địa bàn xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc ngày nay còn một ngôi chùa nữa là chùa Nhân Lộ (chùa Giò). Chùa nằm ở phía Tây Nam La thành, sát bờ sông Mã. Theo truyền thuyết nơi đây, chùa được xây dựng vào thời nhà Trần, nhằm phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của quan lại và binh lính trong thành An Tôn. Trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo, kiến trúc chùa hiện nay là sản phẩm của lần trùng tu vào năm 1927. Trong chùa hiện còn lưu giữ được 14 pho tượng (gồm 12 pho mộc tượng và 02 thổ tượng). Các pho tượng đều được chạm khắc khá tinh xảo, sơn son thếp vàng. Đặc biệt, trong số tượng trên có tượng Phật Quan Âm nghìn mắt nghìn tay rất có giá trị. Hiện nay ngôi chùa này là một trong những di tích vệ tinh của Thành nhà Hồ.

- Chùa Du Anh hay còn gọi là chùa Thông, nay thuộc xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc, cách Thành nhà Hồ về phía Nam khoảng 6km. Chùa được xây dựng ở phía Tây chân núi Xuân Đài (nơi có thắng cảnh động Hồ Công được xem là kỳ quan của xứ Nam). Cùng với thời gian, kiến trúc khởi dựng của chùa không còn, chỉ còn lại cặp sư tử đá được xác định có phong cách nghệ thuật điêu khắc thời Trần. Ngôi chùa này được trùng tu lớn vào năm từ 1601 đến 1605. Ngày này tại khu di tích này ngoài ngôi chùa mới được tôn tạo gần đây thì vẫn còn tấm bia *Ái châu bi ký* do Phùng Khắc Khoan soạn năm 1605 nói về việc tu bổ chùa Du Anh. Cùng với di tích này, động Hồ Công còn là nơi lưu dấu những bài thơ trên đá của Lê Thánh Tông, Lê Hiến Tông, Nguyễn Nghiêm, động đã trở thành điểm tham quan hấp dẫn trong tuyến du lịch Thành nhà Hồ.

- Chùa Hoà Long nằm trên địa bàn thôn Trung, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc. Chùa nằm trên khu đất bằng phẳng trong lòng tay ngai của năm dãy núi: Mông Cù, Hùng Linh, Cỏ Sơn, Kim Sơn và dãy núi Kim Âu bao quanh làm thế tựa. Trước mặt là sông Mã. Kiến trúc chùa bằng gỗ, lớp ngói mũi hài, bốn mái uốn cong. Toàn bộ ngôi chùa gồm hai dãy nhà. Nhà tiền đường và nhà hậu cung được bố trí theo kiểu chữ nhật liên kết với nhau, tạo

thành một khối thống nhất, sân và nền chùa lát gạch mộc. Phía trước về bên tả là một dãy nhà ngang dùng làm nơi ở cho người trụ trì và khách thập phương nghỉ chân. Kiến trúc chùa thấp, nhỏ nhưng rất chắc chắn, phù hợp với điều kiện thiên nhiên của một vùng gió lồm, mưa nhiều. Dòng chữ chạm nổi ở trụ gian 2 nhà tiền đường cho biết chùa được trùng tu vào năm Chính Hoà thứ 3 (1683) đời vua Lê Hy Tông (Hoàng thượng Chính Hoà tam niên, Nhân Tuất tạo thủ thiên cổ tích danh lam Hoa Long tự). Năm 1892, kiến trúc của lần trùng tu năm 1683 được chuyển đến dựng lại trên khu đất ngày nay. Điều đặc biệt nhất của chùa Hoa Long là trải qua nhiều lần tu bổ, tôn tạo nhưng vẫn giữ được một nhang án đá thờ có phong cách nghệ thuật cuối thế kỷ XVI. Toàn bộ nhang án được chạm phù điêu hình tiên nữ, hình sóng nước và hoa lá rất tinh xảo. Về mặt địa lý chùa Hoa Long nằm vào khoảng giữa Thành nhà Hồ và Ly Cung, điều này gợi mở về nguyên nhân hình thành cũng như mối quan hệ của nó với Tây Đô trong bối cảnh xã hội đương thời.

Có thể nói mặc dù hiện nay chúng ta chưa biết một cách chính xác về năm xây dựng của chùa Tường Vân, chùa Nhân Lộ, chùa Du Anh và chùa Hoa Long nhưng với vị trí địa lý, đặc điểm của kiến trúc và một số di vật, có thể gợi mở cho chúng ta nhận định đây là những kiến trúc tôn giáo tiêu biểu được xây dựng trong vùng phụ cận và có liên quan đến Thành nhà Hồ. Có thể nói chùa Du Anh, chùa Hoa Long là các "bảo tàng thu nhỏ" lưu giữ những nét đặc sắc về nghệ thuật kiến trúc ở Thanh Hoá.

Bên cạnh những di tích vừa nêu, quanh Thành nhà Hồ còn một hệ thống di tích ra đời muộn hơn:

- Truyền thuyết kể rằng, năm 1397 khi Hồ Quý Ly cho xây dựng Tây Đô đã giao cho Công Sinh đốc thúc việc xây dựng kinh thành, ở tường thành phía Đông được xây dựng trên nền một con sông cổ. Mặc dù đã hết sức gia cố nhưng tường thành vẫn bị lún. Trong cơn gian giữ, Hồ Quý Ly đã sai chôn sông Công Sinh tại nơi chân thành. Vợ chàng là nàng Bình Khương nghe tin dữ về chồng đã đến tận nơi nhìn thấy cảnh chồng bị chôn sông nhưng mắt vẫn mở, nàng Bình Khương đã than khóc kêu oan cho chồng. Để giữ tiết thủy chung,

nghe vợ chồng nàng đã đập đầu vào đá xanh nơi tường thành. Lạ thay, tảng đá nơi đó bị lồm xuống, và nàng Bình Khương đã chết theo chồng. Người đời thương cảm trước cái chết oan uổng của nàng đã có thơ rằng:

*Xây thành như lửa dựng dân buồn
Chàng bị chôn thân thiếp chết luôn
Oán hận khắc sâu trong đá biếc
Đau thương từng rạn cửa Đông môn*

Nhân dân tiếc thương cho số phận nàng Bình Khương, đã lập đền thờ nơi nàng tuấn tiết, và tảng đá nơi ấy được đem thờ ở hậu cung. Đền thờ nàng Bình Khương nay thuộc xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc. Ngôi đền do tổng đốc Vương Duy Trinh giao cho 3 làng Đông Môn, Tây Giai, Xuân Giai cùng xây dựng vào năm 1903. Có thể nói di tích đền thờ, cũng như sự tích về nàng Bình Khương đã gắn liền sự tích văn hoá liên quan tới thành nhà Hồ.

- Mùa Xuân năm Đinh Sửu (1397), Trần Khát Chân được giao nhiệm vụ dẫn quân về hỗ trợ, bảo vệ và đốc thúc việc xây dựng thành An Tôn. Lúc này vương triều nhà Trần đã dần đi vào thời kỳ suy yếu, mọi quyền hành tập trung vào tay Thái sư Lê Quý Ly. Điều này, đã gây nên sự không đồng tình và chống đối trong tầng lớp quý tộc nhà Trần, họ đã bàn với Trần Khát Chân mưu sát Hồ Quý Ly, nhưng ông còn do dự chưa đồng ý. Đến ngày mồng 4 tháng Tư năm Kỷ Mão (1399) vua Trần ban chiếu làm lễ Minh thệ tại núi Đốn Sơn, Hồ Quý Ly thay vua đến hội thệ, các tướng như: Trần Nhật Đôn, Trần Hoàng,... đã mưu bàn giết Hồ Quý Ly trên bàn tiệc, Trần Khát Chân đành phải dự mưu. Sự việc không thành, ông cùng nhiều người đã bị bắt và bị hành hình.

Sau khi ông chết nhân dân đã lập đền thờ ông ở nhiều nơi và tôn ông làm Thánh Lương (ở Thanh Hoá có 72 nơi thờ ông). Trần Khát Chân được nhân dân mai táng ở núi Đốn Sơn (sau hậu cung đền thờ ngày nay) ở xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc. Đền thờ Trần Khát Chân được xây dựng vào thế kỷ XVII, nhưng vào năm nào thì chưa rõ? Đã qua nhiều lần trùng tu tôn tạo nhưng về cơ bản kiến trúc mô của đền chưa bị thay đổi nhiều. Đền gồm 3 phần: Tiền bái là ngôi nhà 5 gian, trung đường gồm 3 gian 4 vì kèo, hậu cung có 2 gian được xây cuốn vòm. Hiện nay ở đền thờ Trần Khát Chân còn bảo lưu được khá nhiều bức hoành

phi câu đối, sắc phong... Đây là di tích có giá trị kiến trúc nghệ thuật khá điển hình không chỉ của riêng Thanh Hoá truyền lại mà còn của cả nước.

- Phía Tây Thành nhà Hồ, bên bờ sông Mã là dãy Yên Tôn, có 4 ngọn núi lớn, đá nơi đây được sử dụng để xây thành. Trên núi Yên Tôn có rất nhiều hang, ngày nay đến đây (xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc) chúng ta còn được nghe nhân dân kể về câu chuyện bi ai của vua Trần Thiếu Đế và hai nàng hầu. Hồ Quý Ly đã bắt vua Thiếu Đế (sau cuộc lật đổ nhà Trần), cùng hai nàng hầu giam giữ tại động An Tôn, họ đã chết trong hang đá lạnh lẽo. Hai nàng hầu sau khi chết mới đã đùn lên thành nấm mồ. Như để sưởi ấm số phận lạnh giá của hai người con gái bạc mệnh, cũng như tiếc thương cho số phận của người phụ nữ dưới chế độ đương thời, nhân dân đã tạc vào vách đá hình hai chiếc nón. Hang đá lạnh lẽo chôn vùi tuổi thanh xuân của hai người con gái ấy được nhân dân đặt tên là Hang Nàng.

- Đình làng Yên Tôn Thượng thuộc Kẻ Don (gồm có 3 làng: Yên Tôn Thượng, Yên Tôn Hạ, và làng Trâu), xã Vĩnh Yên - huyện Vĩnh Lộc. Theo tài liệu khảo sát điều tra của chúng tôi và gia phả của các dòng họ thì trước khi Hồ Quý Ly xây dựng Tây Đô, nơi đây đã là vùng đất có dân cư ổn định.

Làng Yên Tôn Thượng nằm ở phía Tây Thành nhà Hồ, đây là nơi xưa kia được Quý Ly lấy làm nơi luyện tập binh lính, cất giấu lương thực vũ khí, và là nơi có bến vận chuyển nguyên vật liệu trong việc xây dựng Tây Đô. Đình làng Yên Tôn Thượng nằm ở trung tâm của làng, quay mặt về hướng Nam. Đình được xây dựng vào cuối thế kỷ XIX (năm 1899), tổng diện tích khuôn viên của đình, hiện nay khoảng hơn 400m². Tuy đã được tu sửa qua nhiều lần nhưng hình dáng ban đầu dường như vẫn giữ được những nét kiến trúc cơ bản.

Đình làng Yên Tôn Thượng là nơi lưu giữ dấu ấn có liên quan, đến quá trình xây dựng Tây Đô ở cuối thế kỷ XIV. Vì theo truyền thuyết và lời kể của người già, thì trước kia làng Yên Tôn thuộc khu vực động An Tôn. Nhưng khi Hồ Quý Ly lấy đất đá nơi đây để xây thành, thì nhân dân phải di chuyển ra vùng ngoại vi (địa phận của làng ngày nay) và lập nên 2 làng Yên Tôn Thượng (hạ lưu sông Mã), làng Yên Tôn

Đỗ Quang Trọng - Nguyễn Xuân Toán: Thành nhà Hồ với...

Hạ (thượng lưu sông Mã). Như vậy, thời nhà Hồ với kinh thành Tây Đô thì khu vực làng Yên Tôn ngày nay được xem là khu vực ngoại thành. Nếu như động An Tôn được xem là nơi minh chứng cho sự "thoán đoạt" quyền lực của Hồ Quý Ly đối với nhà Trần (bằng việc giam vua Trần Thiếu Đế ở nơi đây), thì làng Yên Tôn chính là vùng đất lịch sử ghi lại những dấu ấn về sự hình thành và phần nào là sự phát triển của vùng đất kinh đô xưa.

Ngoài ra hai ngôi đình gần cổng phía Đông và phía Tây Thành nhà Hồ thuộc các làng Đông Môn (xã Vĩnh Long), làng Tây Giai (xã Vĩnh Tiến) cũng cần được lưu ý như là các di tích được xây dựng sau này khi Thành nhà Hồ không còn là trung tâm hành chính của chính thể quân chủ. Việc tìm hiểu sự hình thành các làng và các ngôi đình đó trong tương lai sẽ góp phần soi sáng quá trình tồn tại, sử dụng cũng như sự hoang phế của Thành nhà Hồ trong lịch sử.

Khu di tích Thành nhà Hồ và các di tích vùng phụ cận, cũng như các di tích liên quan là những điểm tham quan hấp dẫn trong bản đồ du lịch xứ Thanh. Đến nơi đây, du khách không chỉ được chiêm ngưỡng vẻ đẹp huyền vĩ của các di tích, của một vùng thiên nhiên non nước hữu tình, mà còn được đắm mình trong những truyền thuyết, huyền thoại dân gian xưa.

Từ những ý nghĩa đó, Thành nhà Hồ xứng đáng được lập Hồ sơ di sản văn hoá để nghị UNESCO ghi vào Danh mục di sản văn hoá thế giới. Đó không chỉ là niềm mong ước tự hào của con người xứ Thanh, mà còn là niềm kiêu hãnh của dân tộc Việt Nam./.

D.Q.T - N.X.T

Chú thích:

- 1 - Đỗ Văn Ninh: *Thành cổ Việt Nam*, Nxb. KHXH, H. 1983, tr. 79 - 90.
- 2, 3 - *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb. KHXH, H. 1973, tr. 218.
- 4 - *Lịch sử Thanh Hoá*, tập 2, Nxb. KHXH, H. 1994, tr. 160.
- 5 - *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb. KHXH, H. 1973, tr. 232.